

BỘ Y TẾ - BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**BỘ Y TẾ -
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/2012/TTLT-BYT-BGTVT

Hà Nội, ngày 05 tháng 11 năm 2012

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH**Quy định tiêu chuẩn sức khỏe của nhân viên hàng không và điều kiện
đối với cơ sở y tế thực hiện việc khám sức khỏe cho nhân viên hàng không**

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý khám, chữa bệnh, Vụ trưởng Vụ Pháp chế - Bộ Y tế, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam và Cục trưởng Cục Y tế giao thông vận tải - Bộ Giao thông vận tải;

Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư liên tịch quy định tiêu chuẩn sức khỏe của nhân viên hàng không và điều kiện đối với cơ sở y tế thực hiện việc khám sức khỏe cho nhân viên hàng không.

**Điều 1. Tiêu chuẩn sức khỏe của nhân viên hàng không và điều kiện đối
với cơ sở y tế thực hiện việc khám sức khỏe cho nhân viên hàng không**

Ban hành kèm theo Thông tư này tiêu chuẩn sức khỏe của nhân viên hàng không và điều kiện đối với cơ sở y tế thực hiện việc khám sức khỏe cho nhân viên hàng không.

Điều 2. Phân nhóm tiêu chuẩn sức khỏe của nhân viên hàng không

1. Nhóm 1 quy định tiêu chuẩn sức khỏe đối với các đối tượng sau:

a) Người lái tàu bay thương mại;

b) Người lái tàu bay thuộc tổ lái nhiều thành viên;

c) Người lái tàu bay vận tải hàng không;

d) Người dự tuyển vào học để thực hiện một trong các công việc quy định tại các điểm a, b và c Khoản 1 Điều này.

2. Nhóm 2 quy định tiêu chuẩn sức khỏe đối với các đối tượng sau:

- a) Tiếp viên hàng không;
- b) Người lái tàu bay tư nhân;
- c) Người thực hiện nhiệm vụ cơ giới trên không;
- d) Người dẫn đường trên không;
- đ) Người điều khiển tàu lượn;
- e) Người điều khiển khinh khí cầu;

g) Người dự tuyển vào học để thực hiện một trong các công việc quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e Khoản 2 Điều này.

3. Nhóm 3 quy định tiêu chuẩn sức khỏe đối với các đối tượng sau:

- a) Kiểm soát viên không lưu;
- b) Người dự tuyển vào học để làm kiểm soát viên không lưu.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2012.

Điều 4. Quy định chuyển tiếp

Các cơ sở đang thực hiện việc khám sức khỏe cho người dự tuyển làm nhân viên hàng không hoặc khám sức khỏe định kỳ cho nhân viên hàng không trước ngày Thông tư này có hiệu lực mà chưa đủ điều kiện theo quy định tại Thông tư này thì được tiếp tục thực hiện việc khám sức khỏe đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2013. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014, nếu các cơ sở này muốn tiếp tục thực hiện việc khám sức khỏe cho nhân viên hàng không thì phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Thông tư này.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Cục Quản lý khám, chữa bệnh - Bộ Y tế, Cục Hàng không Việt Nam, Cục Y tế giao thông vận tải - Bộ Giao thông vận tải chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
THỨ TRƯỞNG**

Phạm Quý Tiêu

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ Y TẾ
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Xuyên

**ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ Y TẾ THỰC HIỆN VIỆC
KHÁM SỨC KHỎE CHO NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 18/2012/TTLT-BYT-BGTVT
ngày 05 tháng 11 năm 2012 của Bộ Y tế và Bộ Giao thông vận tải)*

1. Nhân lực

a) Đáp ứng đầy đủ các quy định tại Thông tư số 13/2007/TT-BYT ngày 21/11/2007 của Bộ Y tế hướng dẫn khám sức khỏe.

b) Bác sĩ trực tiếp khám giám định và thực hiện các nghiệm pháp y học hàng không phải có bằng chuyên ngành từ chuyên khoa định hướng trở lên và có chứng chỉ y học hàng không.

2. Trang thiết bị

a) Ngoài việc đáp ứng đầy đủ các quy định tại Thông tư số 13/2007/TT-BYT ngày 21/11/2007 của Bộ Y tế hướng dẫn khám sức khỏe, cơ sở y tế thực hiện việc khám sức khỏe cho nhân viên hàng không còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có phương tiện để đánh giá chức năng tiền đình:

- Phương tiện để tiến hành nghiệm pháp tác động tích lũy liên tục gia tốc Coriolis: Phải có ghế quay Barany.

- Phương tiện để tiến hành nghiệm pháp tác động tích lũy gián đoạn gia tốc Coriolis (Nghiệm pháp Voacheva).

- Phương tiện để tiến hành nghiệm pháp Romberg.

b) Dụng cụ kiểm tra chức năng màng nhĩ: Khí áp kế tai Svetlacov.

c) Có các trang thiết bị tối thiểu để phục vụ công tác khám sức khỏe cho nhân viên hàng không như sau:

- Máy ghi điện tim;

- Máy ghi điện não;

- Máy đo thính lực;

- Máy Phế dung kế;

- Máy siêu âm;

- Máy nội soi tai, mũi, họng;

- Máy nội soi tiêu hóa.

TIÊU CHUẨN SỨC KHỎE NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 18/2012/TTLT-BYT-BGTVT ngày 05 tháng 11 năm 2012
của Bộ Y tế và Bộ Giao thông vận tải)

A. THỂ LỰC

Tiêu chuẩn	Nhân viên hàng không					
	Nhóm 1		Nhóm 2		Nhóm 3	
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
Chiều cao đứng (cm)	≥ 165	≥ 158	≥ 162	≥ 158	≥ 160	≥ 154
Trọng lượng cơ thể (kg)	> 52	≥ 50	≥ 52	> 45	≥ 53	≥ 45
Chỉ số khối cơ thể (BMI)	Lớn hơn hoặc bằng 18 và nhỏ hơn 30					
Vòng ngực trung bình (cm)	$\geq 50\%$ so với chiều cao					
Lực bóp tay thuận (kg)	> 40	> 32				
Lực bóp tay không thuận (kg)	> 30	> 25				
Lực kéo thân (kg)	$\geq 170\%$ trọng lượng cơ thể					

B. CHỨC NĂNG SINH LÝ, BỆNH, TẬT

TIÊU CHUẨN SỨC KHỎE NHÓM 1	TIÊU CHUẨN SỨC KHỎE NHÓM 2	TIÊU CHUẨN SỨC KHỎE NHÓM 3
Người thực hiện công việc: Lái tàu bay thương mại; lái tàu bay thuộc tổ lái nhiều thành viên; lái tàu bay vận tải hàng không và người dự tuyển vào học để thực hiện các công việc nêu trên	Người thực hiện công việc: Tiếp viên hàng không; lái tàu bay tư nhân; cơ giới trên không; dẫn đường trên không; điều khiển tàu lượn; điều khiển khinh khí cầu và người dự tuyển vào học để thực hiện các công việc nêu trên	Kiểm soát viên không lưu và người dự tuyển vào học để thực hiện công việc của kiểm soát viên không lưu

TIÊU CHUẨN SỨC KHỎE NHÓM 1	TIÊU CHUẨN SỨC KHỎE NHÓM 2	TIÊU CHUẨN SỨC KHỎE NHÓM 3
1. Hệ thần kinh - Tâm thần 1.1. Nếu mắc một trong các bệnh lý, rối loạn tâm thần sau thì không đủ điều kiện: a) Các hội chứng tâm thần. b) Các rối loạn tâm thần do nhiễm độc cấp tính hoặc mạn tính. c) Bệnh nhân cách. d) Không bình thường về trí tuệ và các quá trình tâm lý. đ) Nghiện rượu. e) Phụ thuộc vào các chất kích thích 1.2. Nếu mắc một trong các bệnh ở hệ thần kinh sau thì không đủ điều kiện: a) Động kinh. b) Chấn thương sọ não, cột sống. c) Tổn thương thực thể hệ thần kinh gây bại liệt, teo cơ. d) Các bệnh mạch máu não. đ) Rối loạn thần kinh chức năng. e) Rối loạn tuần hoàn - thần kinh thực vật kiểu ngắt hay trụy mạch. g) Bệnh và tổn thương thần kinh ngoại biên	1. Hệ thần kinh - Tâm thần 1.1. Nếu mắc một trong các bệnh lý, rối loạn tâm thần sau thì không đủ điều kiện: a) Các hội chứng tâm thần. b) Các rối loạn tâm thần do nhiễm độc cấp tính hoặc mạn tính. c) Bệnh nhân cách. d) Không bình thường về trí tuệ và các quá trình tâm lý. đ) Nghiện rượu. e) Phụ thuộc vào các chất kích thích 1.2. Nếu mắc một trong các bệnh ở hệ thần kinh sau thì không đủ điều kiện: a) Động kinh. b) Chấn thương sọ não, cột sống. c) Tổn thương thực thể hệ thần kinh gây bại liệt, teo cơ. d) Các bệnh mạch máu não. đ) Rối loạn thần kinh chức năng. e) Rối loạn tuần hoàn - thần kinh thực vật kiểu ngắt hay trụy mạch. g) Bệnh và tổn thương thần kinh ngoại biên	1. Hệ thần kinh - Tâm thần 1.1. Nếu mắc một trong các bệnh lý, rối loạn tâm thần sau thì không đủ điều kiện: a) Các hội chứng tâm thần. b) Các rối loạn tâm thần do nhiễm độc cấp tính hoặc mạn tính. c) Bệnh nhân cách. d) Không bình thường về trí tuệ và các quá trình tâm lý. đ) Nghiện rượu. e) Phụ thuộc vào các chất kích thích 1.2. Nếu mắc một trong các bệnh ở hệ thần kinh sau thì không đủ điều kiện: a) Động kinh. b) Chấn thương sọ não, cột sống. c) Tổn thương thực thể hệ thần kinh gây bại liệt, teo cơ. d) Các bệnh mạch máu não. đ) Rối loạn thần kinh chức năng. e) Rối loạn tuần hoàn - thần kinh thực vật kiểu ngắt hay trụy mạch. g) Bệnh và tổn thương thần kinh ngoại biên